| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN G**<br>TỈNH B | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2023
*Về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Võ Thế Trang Đền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trương Văn Te

2. Ông Nguyễn Văn Thuận

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Phan Thành Trung, Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H***: Bà Ngô Thị Mỹ Trang, Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST–HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1975; Địa chỉ: số 61, ấp P, xã T, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1973; Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện H, tỉnh B

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Ông và bị đơn là bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh B vào ngày 30/12/1996, hôn nhân do tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nhưng ông vẫn cố gắng chịu đựng nhưng đến lúc ông không thể chịu đựng được nữa nên ông đã bỏ đi và không còn chung sống với bà T nữa từ năm 2018 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông có yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà T có 02 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày: 21/6/1995 và Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 19/10/1998. Hiện nay cả 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã thông báo và tổ chức các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện H đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 26 tháng 5 năm 2023, bà T vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay, bà T vẫn vắng mặt.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Thẩm phán đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ trong quá trình tố tụng. Thẩm phán đảm bảo đúng theo thời gian giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, vô tư, khách quan. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn N. Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T được ly hôn.

Về con chung: Ông N và bà T có 02 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày: 21/6/1995 và Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 19/10/1998. Hiện nay cả 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Đối với bà Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông N và bà T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh B vào ngày 30/12/1996 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau kết hôn, ông N và bà T cùng chung sống với nhau hạnh phúc trong khoảng thời gian đầu sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Theo ông N thì nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn phát sinh hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cự cãi, nên ông đã tự bỏ đi và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy ông N và bà T đã sống ly thân với nhau, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, ông bà không còn quan tâm chăm sóc nhau

như vợ như chồng. Ông N cho rằng ông đã bỏ nhà đi làm ăn, không cùng chung sống với bà T nữa từ năm 2018 cho đến nay. Do ông N không còn tình cảm vợ chồng với bà T nữa nên ông có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T. Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải với mục đích là hòa giải cho ông bà đoàn tụ. Tuy nhiên, bà T đã bỏ mặc không tham gia chứng tỏ bà T cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, trong thời gian ly thân ông N và bà T cũng không quan tâm chăm sóc cho nhau, không cùng cải thiện tình trạng hôn nhân của ông bà. Tòa án đã động viên ông N trở lại hàn gắn đoàn tụ nhưng ông N vẫn cương quyết xin ly hôn với bà T.

Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N là phù hợp.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông N và bà T có 02 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày: 21/6/1995 và Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 19/10/1998. Hiện nay cả 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bà T không đến Tòa để giải quyết về việc ly hôn nên không xem xét được bà T có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- *Về án phí:* Ông N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng).*

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

2. *Về con chung:* Trong quá trình chung sống ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày: 21/6/1995 và Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 19/10/1998. Hiện nay cả 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bà T không đến Tòa để giải quyết về việc ly hôn nên không xem xét được bà T có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:*

Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000107 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H; ông N đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại Tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại Tòa thì kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn; có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
(đã ký)

**Võ Thế Trang Đền**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND tỉnh B;
- UBND xã T, H. Giồng Trôm;
- Lưu hồ sơ vụ án.